

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2019/DS-ST**
Ngày 30-8-2019
V/v “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản
trở trái pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1953; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1978; HKTT: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện cư trú tại: Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hồng P; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn U; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3.3. Ông Lê Văn T; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3.4. Bà Lê Thị N; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3.5. Bà Lê Thị H; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3.6. Bà Cao Thị Tuyết M; cư trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2018; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 28/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Trước năm 1991, gia đình bà Phan Thị L sử dụng ổn định diện tích đất 5.547m² đất thổ cư và đất vườn tại xã T, thị xã T, tỉnh Sông Bé (nay thuộc phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Phía trước khu đất của bà Phan Thị L có một con đường đất đỏ (hiện giờ con đường này mang tên Nguyễn Chí Thanh) và bên trái thửa đất của bà Phan Thị L là một con đường hẻm thông để xe bò và người dân đi vào đất của mình, con đường hẻm đất này rộng khoảng hơn 02m. Bên kia con hẻm đối diện với đất của bà Phan Thị L là đất của bà Hứa Thị X, bên phải thửa đất của bà Phan Thị L giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn R, phía sau thửa đất của bà Phan Thị L là đất của bà Lê Thị Đ.

- Ngày 12/7/1991, Ủy ban nhân dân thị xã T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09xx công nhận cho bà Phan Thị L được quyền sử dụng đối với diện tích đất 5.547,0m² đất thổ cư và đất vườn tại xã T, thị xã T, tỉnh Sông Bé (nay là phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

- Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Phan Thị L đã chuyển nhượng cho bà Cao Thị Tuyết M 200m² đất (diện tích đất chuyển nhượng có chiều ngang 10m, chiều dài 20m nằm ở góc trái thửa đất và liền kề với con hẻm). Ngày 09/9/1991, Ủy ban nhân dân thị xã T đã cập nhật thông tin bà Phan Thị L chuyển nhượng cho bà Cao Thị Tuyết M 200m² đất và diện tích đất còn của bà Phan Thị L là 5.347m².

- Khi Nhà nước làm đường Nguyễn Chí Thanh đã giải tỏa một phần thửa đất của bà Phan Thị L và thửa đất của bà Cao Thị Tuyết M.

- Đến ngày 11/3/1998, Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00xxx QSDĐ/TA cho bà Phan Thị L với tổng diện tích là 5.090,7m² đất (trong đó gồm: 300m² đất thổ cư và 4.790,7m² đất trồng cây lâu năm) và cập nhật sơ đồ hiện trạng khu đất trên giấy chứng nhận. Trong suốt quá trình sử dụng đất bà Phan Thị L không có tranh chấp với bất kỳ ai.

- Tháng 7/2009, trên cơ sở khuyến khích làm đường giao thông nội thị của Nhà nước theo phương án nhà nước và nhân dân cùng làm, thì người dân địa phương xung quanh thửa đất của bà Phan Thị L đã họp bàn cùng nhau làm đường bê tông đối với con hẻm (kể bên thửa đất của bà Phan Thị L và bà Cao Thị Tuyết M).

Cụ thể, ngày 12/07/2009 Ban điều hành Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã họp dân Tổ B “thỏa thuận cùng nhau làm đường giao thông nội thị Tổ B, đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn N đến nhà ông Lê Văn T” nội dung:

“Nếu cô L có đóng góp làm đường GTNT thì đóng góp và mức đóng góp phải tính bằng chiều dài của đất cấp theo đường GTNT.

Bà L: hiện tại không có tiền...

- Ông Phương: làm đường hai bên cùng đóng góp. Mỗi bên đóng góp một nửa đoạn nhà cô M giữ nguyên. Sau nhà cô M hiến vô 0,5m chạy dài đến bên trong... Hẹn với cô L đến ngày thứ hai (12/7/2009 trả lời thuận vợ thuận chồng) có hiến đất hay không hiến đất. Để làm cơ sở cho đoạn GTNT này”.

Sau đó Ban nhân dân Tổ dân phố B, Khu phố M không họp nữa vì bà Phan Thị L không nộp tiền đóng góp làm đường, nhưng bà Phan Thị L đã tự nguyện góp một phần đất của mình để cho người dân trong tổ chặt cây để làm đường giao thông nội thị kéo dài suốt chiều dài thửa đất là 99,55m (tính từ phía sau đất của nhà bà Cao Thị Tuyết M kéo dài đến hết phần đất của bà Phan Thị L với diện tích khoảng hơn một trăm mét vuông).

Ngày 13/5/2014, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận số BS 392xxx (vào sổ cấp GCN: CH03xxx) công nhận cho bà Phan Thị L có quyền sử dụng 4.960,3m² đất (trong đó gồm: 300m² đất thổ cư và 4.660,3m² đất trồng cây lâu năm).

Việc, bà Phan Thị L đồng ý hiến đất làm đường với diện tích như vậy nên bà Phan Thị L đã không đóng góp thêm tiền làm đường và diện tích đất của bà Phan Thị L cũng đã mặc nhiên bị giảm (từ 5.090,7m² xuống còn 4.960,3m², giảm 130,4m²). Đồng thời do chưa có nhu cầu đi lại trên con đường giao thông nội thị (có nguồn gốc là đường đất) nên bà Phan Thị L chưa đi lại trên con đường này.

Tuy nhiên, vừa qua bà Phan Thị L đi lại trên con đường giao thông nội thị này thì đã bị ông Nguyễn Văn N và những người liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H phản đối, ngăn cản không cho bà Phan Thị L và gia đình đi trên con đường này.

Con đường này hiện nay đã được trải nhựa trên tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm, bà Phan Thị L cũng là người đã góp đất trên thực tế nhưng không được đi lại và sử dụng con đường này làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị L.

Nay, bà Phan Thị L yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn N và những người liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H phải chấm dứt hành vi ngăn cản bà Phan Thị L đi trên con đường này.

- Công nhận con đường tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với quyền sử dụng đất nêu trên của bà Phan Thị L là đường đi chung.

[2]. Bị đơn ông Nguyễn Văn N và những người liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, bà Cao Thị Tuyết M đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn

bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không thể ghi nhận ý kiến của các đương sự này được.

Tại phiên tòa;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N và những người liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, bà Cao Thị Tuyết M vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý, thụ lý vụ án bổ sung và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; còn bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về Tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2018; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 28/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Thị L là bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H chấm dứt việc cản trở bà Phan Thị L sử dụng

con đường có diện tích $608,8m^2$ tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật*” theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật Dân sự và Điều 166 của Luật Đất đai.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Do đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào các khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 13/5/2014, bà Phan Thị L được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 392xxx (vào sổ cấp GCN: CH03xxx), đối với diện tích đất là $4.960,3m^2$ (trong đó gồm: $300m^2$ đất thổ cư và $4.660,3m^2$ đất trồng cây lâu năm), đất thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 27, tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; đất có tứ cận:

- Phía Đông Nam giáp đất ông Nguyễn Văn E;
- Phía Tây Bắc giáp đất bà Cao Thị Tuyết M và đường nhựa;
- Phía Đông Bắc giáp đất bà Lê Thị H;
- Phía Tây Nam giáp đường Nguyễn Chí Thanh.

[3]. Về con đường giáp với cạnh phía Tây Bắc của thửa đất được cấp cho bà Phan Thị L:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09xx/GCN-SB do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 12/7/1991 cho bà Phan Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09xx/GCN-SB do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 20/7/1991 cho bà Hứa Thị X thì giữa 02 thửa đất này có 01 con đường đất đỏ để đi vào xóm. Năm 1997, cả bà Phan Thị L và bà Hứa Thị X làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 11/3/1998 Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận số L 411xxx (vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00xxx...QSĐĐ/TA) cho bà Phan Thị L, tại cạnh phía Tây Bắc của thửa đất vẫn giáp với con đường đất đỏ. Riêng, đất của bà Hứa Thị X sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00xxx...QSĐĐ/TA ngày 18/4/1998 thì phần đất này được sang tên cho ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị N, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U.

Trên cơ sở khuyến khích làm đường giao thông nội thị của Nhà nước theo phương án nhà nước và nhân dân cùng làm; ngày 09/7/2009, những người dân địa phương xung quanh con đường này gồm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H và bà Phan Thị L đã họp tại Văn phòng Khu phố M, phường H thống nhất cùng nhau làm đường giao thôn nông thôn. Theo đo đạc thực tế ngày 03/6/2019 thì con đường này có diện tích là $608,8m^2$ (đường cụt), trong đó diện tích lề đường là $57,1m^2$ và diện tích lòng đường là $551,7m^2$.

Do con đường này giáp với cạnh phía Tây Bắc thửa đất của bà Phan Thị L và khi bà Phan Thị L sử dụng con đường này để đi lại thì ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H ngăn cản với lý do bà Phan Thị L không cùng các hộ dân này hiến đất hay đóng góp tiền để làm đường. Việc, ngăn cản bà Phan Thị L đi lại trên con đường này được thể hiện tại biên

bản hòa giải ngày 04/5/2017 của Khu phố M, phường H (BL30); biên bản xác minh vụ việc trước khi hòa giải ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường H (BL37) và biên bản hòa giải ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường H (BL39).

Tuy nhiên, trước khi thống nhất làm đường giao thông nông thôn (năm 2009) thì năm 1998 bà Phan Thị L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích là 5.090,7m²; sau khi làm đường giao thông nông thôn thì ngày 13/5/2014, bà Phan Thị L được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất bà Phan Thị L được cấp là 4.960,3m². Như vậy, phần diện tích đất của bà Phan Thị L được cấp đổi sau khi làm đường giao thông nông thôn giảm 130,4m². Theo biên bản kiểm tra địa chính và sơ đồ khu đất theo kiểm tra đo đạc thực tế ngày 27/02/2014 của Văn phòng Đăng ký Đất thành phố T (BL181,182) thì nguyên nhân diện tích đất của bà Phan Thị L giảm 130,4m² là đường Nguyễn Chí Thanh được nâng cấp mở rộng, có vỉa hè, đồng thời mở đường nhựa hướng Tây Bắc của khu đất. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 09/8/2019 (BL209), đại diện phường H cho rằng: *“Khi làm thủ tục cấp lại GCNQSDĐ cho bà Phan Thị L vào năm 2014, thì diện tích đất của bà Phan Thị L có giảm 130,4m². Tuy nhiên, nguyên nhân giảm là do mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh và làm con đường đang có tranh chấp này. Do vậy, chỉ có cơ sở xác định bà Phan Thị L có tự bỏ ra một phần diện tích đất để làm con đường này, còn diện tích đất bà L bỏ ra cụ thể là bao nhiêu thì không xác định được vì không đo đạc lập hồ sơ bồi thường”*. Do đó, việc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H cho rằng bà Phan Thị L không cùng các hộ dân này hiến đất hay đóng góp tiền để làm đường là không có cơ sở. Mặt khác, cũng tại biên bản xác minh ngày 09/8/2019 (BL209), đại diện phường H xác định: Con đường giáp với cạnh Tây Bắc thửa đất của bà Phan Thị L, đo đạc thực tế là 608,8m² (đường cụt) là con đường công cộng, do Nhà nước quản lý. Việc, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T và bà Lê Thị N và bà Lê Thị H ngăn cản bà Phan Thị L sử dụng con đường công cộng là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bà Phan Thị L yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật trên là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Tại Tòa, đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 2.492.308 đồng, phía bà Phan Thị L đã nộp tại Tòa và tự nguyện chịu nên không xem xét giải quyết;

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của bà Phan Thị L được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H mỗi người phải nộp 300.000 đồng; bà Phan Thị L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 169, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị L về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H chấm dứt hành vi cản trở bà Phan Thị L sử dụng con đường công cộng có diện tích là 608,8m² (đường cụt), trong đó diện tích lề đường là 57,1m² và diện tích lòng đường là 551,7m², tại Tổ B, Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; con đường có tứ cận như sau:

- Phía Đông Nam giáp đất bà Cao Thị Tuyết M, Phan Thị L và bà Lê Thị H;
- Phía Tây Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị N, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị H;
- Phía Đông Bắc giáp đất bà Lê Thị H;
- Phía Tây Nam giáp đường Nguyễn Chí Thanh.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn U, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N và bà Lê Thị H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng);

2.2. Bà Phan Thị L không phải nộp án phí, tuy nhiên bà Phan Thị L thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng